

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HS-ST

Ngày: 12-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vân Thị Thu Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

2. Bà Dương Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Đạo- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2019/HSST ngày 25-4-2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST- HS ngày 29-5-2019 đối với bị cáo:

PHAN VĂN T (T)- sinh năm: 1993 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: khu phố 1, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn G, sinh năm: 1966 và bà: Trần Thị Minh P, sinh năm 1964; Tiền án: Ngày 19/5/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 01/3/2016 thì chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 05/4/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 29/01/2018 thì chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ: từ ngày 11/01/2019; Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Rang-Tháp Chàm. Bị cáo có mặt.

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Phương Th1, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn C, xã T, TP. P.

2. Chị Đỗ Thị Tuyết Th2, sinh năm: 2000

Địa chỉ: Khu phố 1, phường V, TP. P.

3. Chị Võ Thị N, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Đ, TP. P.

4. Ông Bùi Văn Th3, sinh năm: 1944

Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, TP. P.

5. Chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, TP. P.

(Các bị hại đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 24/7/2018 đến ngày 01/01/2019, bị cáo Phan Văn T đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố P, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 24/7/2018, Phan Văn T từ nhà mình đi ra đường 21/8 quá giang xe của người đi đường chở ra thôn C, xã T, TP. P để đến nhà bạn chơi. Khi đến nơi, T đi bộ ngang qua nhà của chị Nguyễn Thị Phương Th1 có quầy bán thuốc tây ở phía trước thì nhìn thấy cửa cổng không khóa, không có người ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi vào phòng khách lấy 01 điện thoại di động, hiệu Samsung Galaxy A5, màu đen đang cắm sạc ở trên tủ bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài. Sau đó, T đã bán điện thoại cho một người tên T ở thôn C, xã T (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), với số tiền 600.000 đồng. Số tiền bán điện thoại T đã tiêu xài cá nhân hết.

- Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 13/8/2018, Phan Văn T xuống nhà nội ở phường V, TP. P chơi, do có ý định trộm cắp tài sản nên T đi bộ theo các con đường ở phường V xem có nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến tiệm uốn tóc của chị Đỗ Thị Tuyết Th2, T nhìn thấy không có người nên đi vào bên trong tiệm uốn tóc lấy 01 điện thoại di động, hiệu Vivo V5S, màu vàng đồng ở trên bàn kính làm tóc bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài. Sau đó, T đã bán điện thoại cho một người tên B ở phường V (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), với số tiền 500.000 đồng. Số tiền bán điện thoại T đã tiêu xài cá nhân hết. Hành vi trộm cắp điện thoại nêu trên của T đã được Camera tại tiệm uốn tóc của chị Th2 ghi hình lại, nên sau khi sự việc xảy ra chị Th2 đã trình báo cho Công an phường V và giao nộp dữ liệu trích xuất từ Camera.

- Vụ thứ ba: chiều ngày 30/12/2018, Phan Văn T xuống phường Đ, TP. P chơi. Khi đến nhà chị Võ Thị N, T nhìn thấy không có người ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi vào trong nhà lấy 01 điện thoại di động, hiệu Samsung J7 Prime, màu vàng đồng đang sạc pin ở trên bàn bỏ vào túi rồi đi ra ngoài. Sau đó, T đã bán điện thoại cho một người tên H ở phường Đ (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), với số tiền 600.000 đồng. Số tiền bán điện thoại T đã tiêu xài cá nhân hết.

- Vụ thứ tư: Khoảng 10 giờ ngày 01/01/2019, do có ý định trộm cắp tài sản nên Phan Văn T đi theo các con đường ở phường B, TP. P xem có nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà của ông Bùi Văn Th3, T nhìn thấy cửa nhà không khóa, T đi vào trong nhà thì thấy ông Th3 đang nằm trên võng, T giả vờ xin nước uống, khi ông Th3 đi lấy nước thì T lấy 01 điện thoại di động, hiệu HTC820, màu trắng để trên ghế bên cạnh cái võng bỏ vào túi rồi đi ra ngoài. Sau đó, T đã bán điện thoại cho một người tên T ở xã T, TP. P (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), với số tiền 600.000 đồng. Số tiền bán điện thoại T đã tiêu xài cá nhân hết.

- Vụ thứ năm: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 01/01/2019, do có ý định trộm cắp tài sản nên Phan Văn T đi bộ theo các con đường ở phường B, TP. P xem có nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà của chị Lê Thị Ngọc D, T nhìn thấy cửa cổng nhà không khóa, T đi vào phòng ngủ lấy 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu Nokia 5, màu đen trắng để trên giường bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài thì bị chị D phát hiện nên chị D chạy ra đóng cửa cổng lại và hỏi T đi đâu, tại sao lại đi vào trong phòng nhà chị D để làm gì, đồng thời chị D yêu cầu T lấy điện thoại trong túi quần ra, T lấy điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu Nokia 5, màu đen trắng từ trong túi quần ra đưa cho chị D. Trong lúc chị D không để ý, T định tẩu thoát thì bị chị D nắm cổ áo T lại, tri hô “ăn cướp, ăn cướp” thì mọi người xung quanh chạy đến. T xin chị D đừng báo Công an nên chị D không trình báo sự việc cho cơ quan Công an. Đến ngày 05/01/2019, chị D đến cơ quan Công an trình báo sự việc, sau đó cơ quan điều tra đã mời T làm việc. Tại cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại Biên bản định giá tài sản số 04 ngày 08/01/2019 và số 27 ngày 20/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xác định: 01 điện thoại di động, hiệu Samsung Galaxy A5, màu đen, trị giá: 2.500.000 đồng; 01 điện thoại di động, hiệu Vivo V5S, màu vàng đồng, trị giá: 2.200.000 đồng; 01 điện thoại di động, hiệu Samsung J7 Prime, màu vàng đồng, trị giá: 2.500.000 đồng; 01 điện thoại di động, hiệu HTC820, màu trắng, trị giá: 1.200.000 đồng; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu Nokia 5, màu đen trắng, trị giá: 3.000.000 đồng

Cáo trạng số 33/CT-VKSPRTC ngày 25/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên việc truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: “Bị cáo đã biết lỗi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: từ ngày 24/7/2018 đến ngày 01/01/2019, bị cáo đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố P, với tổng trị giá: 11.400.000 đồng. Do bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã 02 lần bị kết án và đã chấp hành án nhưng vẫn không chịu tu sửa rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Lê Thị Ngọc D đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì; chị Nguyễn Thị Phương Th1 không có yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét. Chị Đỗ Thị Tuyết Th2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền: 2.200.000 đồng; chị Võ Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền: 2.500.000 đồng; ông Bùi Văn Th3 yêu cầu bị cáo

bồi thường số tiền: 1.200.000 đồng trị giá các điện thoại bị cáo đã lấy trộm; tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường. Xét thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên công nhận.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: bị cáo Phan Văn T (T) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T (T) 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 11-01-2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và những người bị hại như sau: bị cáo đồng ý bồi thường cho chị Đỗ Thị Tuyết Th2: 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm ngàn đồng); bồi thường cho chị Võ Thị N: 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng); bồi thường cho ông Bùi Văn Th3: 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại các điều 357, 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

Căn cứ vào: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. PR-TC;
- Công an TP. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vân Thị Thu Sang